

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – GIA LAI**

Bản án số: 01/2026/DS-ST

Ngày: 23/01/2026

*“V/v: Tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản”.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đại Dương.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Hà.

2. Bà Nguyễn Thị Định.

*- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Bửu – Thư ký
Tòa án nhân dân khu vực 10 - Gia Lai.*

Ngày 23/01/2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Gia Lai mở phiên
toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2025/TLST-DS, ngày
12/5/2025, về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án
ra xét xử số: 50/2025/QĐST-DS, ngày 18/11/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số:
24/2025/DSST-QĐ ngày 03/12/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trịnh Thành C** (Trịnh Văn C1) - Sinh năm 1976

- Địa chỉ: Tổ A, thị trấn K, huyện M (Nay là Tổ A, xã M), tỉnh Gia Lai – Có
mặt

- Bị đơn: Bà **Trần Thị L** - Sinh năm: 1979

- Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện M (N là thôn T, xã M), tỉnh Gia Lai - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trịnh
Thành C trình bày:**

Ngày 13/5/2014 bà Trần Thị L có mượn ông Trịnh Thành C số tiền 35.000.000
đồng, ngày 30/9/2014 bà Trần Thị L mượn thêm 112.000.000 đồng, đến ngày
02/11/2022 bà Trần Thị L tiếp tục mượn ông Trịnh Thành C số tiền 22.000.000 đồng.
Tổng số tiền bà Trần Thị L mượn ông Trịnh Thành C là 169.000.000 đồng. Ông Trịnh
Thành C đòi nhưng bà Trần Thị L không trả nên ông Trịnh Thành C yêu cầu Tòa án
buộc bà Trần Thị L phải trả 169.000.000 đồng tiền nợ gốc. Đối với tiền lãi ông C rút
yêu cầu, không yêu cầu bà L phải trả.

Tại bản tự khai ngày 02/6/2025, bị đơn bà Trần Thị L trình bày: Mấy năm trước bà L có mượn ông Trịnh Thành C một lần 35.000.000 đồng và một lần 22.000.000 đồng, nhưng bà L đã trả cho ông C, đồng thời cũng vì số tiền nợ này mà bà L đã kiện yêu cầu công an huyện M giải quyết đối với ông C nhưng công an không thu được bản gốc giấy mượn tiền của bà L mượn ông C, đối với số nợ ông C lên trường nơi bà L dạy học bắt bà L phải trả 90.000.000 đồng thì hàng tháng bà L trả cho ông C 3.000.000 đồng và tới ngày 02/5/2025 bà L đã trả được cho ông C 23.000.000 đồng, sau đó bà L sai hẹn không trả vì bà L đau ốm do bị đột quỵ, nhưng bà L có hẹn vào tháng 6/2025 sẽ trả cho ông C 6.000.000 đồng, số nợ còn lại từ từ bà L sẽ trả do bị đau ốm triền miên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Trần Thị L cư trú tại địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện M (N là thôn T, xã M), tỉnh Gia Lai. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1, Điều 35, điểm khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Gia Lai.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Trần Thị L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ 2 mà không cung cấp cho Tòa án lý do chính đáng như thủ tục nhập viện, hồ sơ bệnh án. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn bà Trần Thị L theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Như vậy, bà Trần Thị L phải chịu hậu quả về việc không đưa ra được và không đưa ra đủ chứng cứ để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[3]. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trần Thị L phải trả số tiền đã mượn là 169.000.000 đồng. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4]. Về nội dung vụ án: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Ngày 13/5/2014 bà Trần Thị L có mượn ông Trịnh Thành C số tiền 35.000.000 đồng, ngày 30/9/2014 bà Trần Thị L mượn thêm 112.000.000 đồng, đến ngày 02/11/2022 bà Trần Thị L tiếp tục mượn ông Trịnh Thành C số tiền 22.000.000 đồng. Tổng số tiền bà Trần Thị L mượn ông Trịnh Thành C là 169.000.000 đồng, khi mượn có thỏa thuận, cam kết thời gian và phương thức trả nợ tại giấy mượn tiền đề ngày 03/5/2024, ngày 30/9/2014 và ngày 13/5/2014.

Do bà Trần Thị L trả dần và sau đó không trả nợ theo cam kết nên nguyên đơn ông Trịnh Thành C khởi kiện buộc bà Trần Thị L phải trả cho ông Trịnh Thành C số tiền 169.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi chín triệu đồng*). Đối với số tiền nợ lãi ông Trịnh Thành C rút yêu cầu khởi kiện.

Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Trịnh Thành C thì thấy rằng: Giao dịch dân sự về cho vay giữa nguyên đơn ông Trịnh Thành C với bị đơn bà Trần Thị L được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật và đạo đức xã hội, vì vậy giao dịch này là hợp pháp và các bên phải có nghĩa vụ tôn trọng cũng như thực hiện đúng những thỏa thuận, cam kết khi xác lập giao dịch, nhưng bà Trần Thị L lại không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả đủ tiền theo thỏa thuận cho ông Trịnh Thành C. Như vậy, bà Trần Thị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ mà mình đã cam kết và ông Trịnh Thành C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị L phải trả số tiền đã vay là có căn cứ.

Xét giao dịch giữa ông Trịnh Thành C và bà Trần Thị L được giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện giữa các bên, phù hợp với quy định của pháp luật về hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn được quy định tại Điều 478 của Bộ luật dân sự nên có hiệu lực pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”.

Số tiền ông Trịnh Thành C cho bà Trần Thị L vay là 169.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi chín triệu đồng*), số tiền này đã được ông Trịnh Thành C trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa. Cho nên, bà Trần Thị L phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ đã vay cho ông Trịnh Thành C như đã thỏa thuận theo quy định của pháp luật.

Đối với bà Trần Thị L khai số tiền nợ trên đã trả cho ông C, đồng thời cũng vì số tiền nợ này mà bà L đã kiện yêu cầu công an huyện M giải quyết đối với ông C nhưng công an không thu được bản gốc giấy mượn tiền của bà L mượn ông C, đối với số nợ ông C lên trường nơi bà L dạy học bắt bà L phải trả 90.000.000 đồng thì hàng tháng bà L trả cho ông C 3.000.000 đồng và tới ngày 02/5/2025 bà L đã trả được cho ông C 23.000.000 đồng, sau đó bà L sai hẹn không trả là do bà L đau ốm nhưng bà L có hẹn vào tháng 6/2025 sẽ trả cho ông C 6.000.000 đồng, số nợ còn lại từ từ bà L sẽ trả. Tuy nhiên, bà Trần Thị L chỉ có một bản tự khai tại Tòa và sau đó vắng mặt, không cung cấp chứng cứ gì chứng minh số nợ trên bà Trần Thị L đã trả cho ông Trịnh Thành C nên lời khai của bà Trần Thị L không có cơ sở để xem xét, chấp nhận.

Đối với số tiền nợ lãi, ông Trịnh Thành C rút yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu tính nợ lãi của ông Trịnh Thành C.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đơn yêu cầu của ông Trịnh Thành C được chấp nhận nên bà Trần Thị L phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 8.450.000 đồng. Ông Trịnh Thành C được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc chấp nhận yêu cầu của ông Trịnh Thành C buộc bà Trần Thị L phải có nghĩa vụ trả tiền nợ gốc vay 169.000.000 (*Một trăm sáu mươi chín triệu đồng*) là đúng với quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, các Điều 227, Điều 228, 235, 264, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 280, 281, 388, 463, 465, 466 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Thành C.

- Buộc bà Trần Thị L phải trả cho ông Trịnh Thành C số tiền nợ gốc đã vay là 169.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi chín triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

+ Buộc bà Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.450.000 đồng (*Tám triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng*).

+ Ông Trịnh Thành C không phải chịu án phí sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông Trịnh Thành C số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 8.975.000 đồng (*Tám triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0012673, ngày 12/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai (nay là Thi hành án dân sự tỉnh G).

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND khu vực 10
- THADS tỉnh Gia Lai
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Đại Dương